

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1961

Địa chỉ: 18/4 S, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1961

Địa chỉ: 14 đường Y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huy H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 19/1986, quyển số 01 ngày 11/9/1986 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có tính gia trưởng, không tôn trọng ý kiến của bà, sự việc đã kéo dài nhiều năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông H không còn sống chung khoảng 01 năm nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Bị đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:

Quá trình chung sống, kết hôn đúng như lời bà P trình bày.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cách đây khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà P cho rằng ông bệnh con dâu, nghe lời con dâu mà không bệnh vợ. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà P thì ông không đồng ý vì những lý do sau đây: Ông còn tình cảm với bà P và cần nương tựa nhau sống đến cuối đời. Thời gian gần đây, tâm lý của bà P không ổn định (do lớn tuổi và đã nghỉ hưu) nên ý muốn ly hôn của bà là bùng bột và nhất thời, sau khi ly hôn khả năng tâm lý của bà P diễn biến phức tạp và hậu quả xấu có thể xảy ra.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1989 và Nguyễn Phụng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:

Căn cứ bản tự khai của bà P cùng tài liệu chứng có trong hồ sơ và diễn biến phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của ông H và bà P là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1989 và Nguyễn Phụng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm tính theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 19/1986, quyển số 01 ngày 11/9/1986 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị P và ông Nguyễn Huy H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Nguyễn Huy H cư trú tại quận Tân Phú. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị P với ông Nguyễn Huy H.

Theo lời trình bày của bà P, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H có tính gia trưởng, tất cả mọi vấn đề đều do ông H quyết định, sự việc đã kéo dài nhiều năm. Bà và ông H không còn sống chung hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Ông Nguyễn Huy H cho rằng, vợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà P cho rằng ông bệnh con dâu, nghe lời con dâu mà không bệnh vợ nên phát sinh mâu thuẫn. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà P thì ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà P và cần nương tựa nhau sống đến cuối đời.

Theo kết quả xác minh ngày 28/5/2021 của Hội liên hiệp phụ nữ phường H đã xác định: Ông H và bà P không còn sống chung với nhau, giữa ông H và bà P có mâu thuẫn trong quá trình chung sống với nhau nhưng không gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H, bà P không chung sống với nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà P và ông H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1989 và Nguyễn Phụng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông H và bà P xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông H và bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Hồ Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014
- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Huy H. Quan hệ hôn nhân của bà Hồ Thị P và ông Nguyễn Huy H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/1986, quyển số 01 ngày 11/9/1986 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà P và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Hồ Thị P chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà P đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0071769 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà P đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Huy H, bà Hồ Thị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân P.H, Q.T,
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

Lê Viết Hoàng Lâm